TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 164/2024/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 11 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 275/2024/TLST-VLĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 144/2024/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1989; thường trú: Ấp S, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1995; thường trú: Ấp Đ, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần Đ1; địa chỉ: Số E, đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967. Địa chỉ: 7 đường số A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh- là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 01/3/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội Thành phố D; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/11/2024.) Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Thúy T trình bày:*

Từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012, bà T có làm việc tại Công ty TNHH N và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7410167845, từ tháng 7/2013 đến tháng 9/2014, bà T có làm việc tại Công ty TNHH H, địa chỉ: Lô B, BIII-25, BIII-26, khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và có đóng bảo hiểm xã hội số: 8213075285. Nay, bà T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Trang bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Cháu của bà T – Nguyễn Thị Đ (sử dụng thông tin của bà T– Nguyễn Thị Thúy T) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ1 khoảng từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014.

Cùng thời gian đó, bà T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H đến khoảng tháng 9 năm 2014 thì bà T nghỉ việc. Do đó, bà Trang bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014 tương đương với thời gian bà Đ mượn hồ sơ lao động của bà T. Vào thời điểm năm 2010, bà Đ chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà T và bà Đ là cô cháu với nhau nên mới hỗ trợ bà Đ mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thúy T và Công ty Cổ phần Đ1 (thời gian làm việc từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014) là vô hiệu. Ngoài ra, bà T không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ và bà Nguyễn Thị Thúy T là cô cháu. Khoảng năm 2010 bà Đ chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên bà Đ đã sử dụng thông tin của bà T để vào làm việc tại Công ty Cổ phần Đ1 và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà T, bà Đ đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014) giữa bà Nguyễn Thị Thúy T và Công ty Cổ phần Đ1 vô hiệu. Ngoài ra, bà Đ không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ1 (trước đây là Công ty Cổ phần Đ2 và Công ty Cổ phần P) cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị Thúy T sinh năm 1989, số CCCD 094189001843, với mã số BHXH 7410167845 từ tháng 05/2010 đến tháng 07/2014 tại Công ty Cổ phần Đ1 đã nhận trợ cấp BHXH.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Thúy T còn có mã số 7410167845 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012 tại Công ty TNHH N.

- Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị Thúy T và Công ty Cổ phần Đ1, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ- CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

- Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Thúy T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

- Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị Thúy T tôi không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ1 trình bày:

Việc bà Đ mượn hồ sơ của bà T để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ1 thì thời điểm tuyển dụng Công ty Cổ phần Đ1 không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của bà T hiện Công ty Cổ phần Đ1 không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty Cổ phần Đ1 thì vào tháng 02/2010 Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thúy T làm việc với vai trò là công nhân đến tháng 09/2014 bà T nghỉ việc tại Công ty. Trong thời gian bà T làm việc tại công ty thì công ty tham gia các chế độ bảo hiểm đầy đủ cho người lao động theo quy định, khi bà T nghỉ việc Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà T. Nay bà T cho rằng có sự việc bà T cho cháu gái là bà Nguyễn Thị Đ mượn thông tin để giao kết hợp đồng lao động với Công ty và yêu cầu Toà án giải quyết tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 05/2010 đến tháng 07/2014) giữa bà Nguyễn Thị Thúy T và Công ty Cổ phần Đ1 vô hiệu thì Công ty đồng ý. Đối với với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty Cổ phần Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, Công ty Cổ phần Đ1, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014, người lao động tên Nguyễn Thị Thúy T sinh năm 1989, số căn cước công dân 094189001843 được Công ty Cổ phần Đ1 (Trước đây là Công ty Cổ phần Đ2 và Công ty Cổ phần P) tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410167845, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần Đ1 và bà T trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014, hai bên ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thúy T và bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ1 và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần Đ1 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị Đ chứ không phải bà Nguyễn Thị Thúy T do bà Đ mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Đối với bà T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH H. Do bà Đ chưa đủ tuổi nên bà T đã cho bà Đ mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà T và bà Đ phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 04/2010 đến tháng 03/2012, có quá trình tham gia tại tại Công ty TNHH N, tháng 7/2013 đến tháng 9/2014, có quá trình tham gia tại Công ty TNHH H. Xét, việc bà Đ lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại

khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Thúy T bị trùng từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014. Công ty Cổ phần Đ1 cũng thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy T. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đ1 với bà bà Nguyễn Thị Thúy T từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Thúy T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thúy T với Công ty Cổ phần Đ1 thời gian làm việc từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2014 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001779 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh